

Số: 12 /BC- BDT

Đồng Nai, ngày 26 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả giám sát đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng giáo viên người dân tộc thiểu số tại các trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh (nay là thành phố).

Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về Chương trình giám sát của HĐND thành phố năm 2026; Chương trình số 02/CTr-BDT ngày 21/01/2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố về chương trình giám sát năm 2026. Ban Dân tộc HĐND thành phố ban hành Quyết định số 11/QĐ-HĐND-BDT ngày 14/4/2026 về thành lập Đoàn Giám sát và Kế hoạch số 12/KH-HĐND-DT ngày 15/4/2026 về giám sát đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng giáo viên người dân tộc thiểu số tại các trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

Trong các ngày 05, 07, 08 và 12/5/2026, Ban Dân tộc HĐND thành phố đã tổ chức giám sát trực tiếp tại UBND các xã: Sông Ray, Thanh Sơn, Thọ Sơn, Bom Bo và Sở Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, giám sát gián tiếp qua báo cáo đối với UBND các xã: Lộc Thạnh, Tân Tiến, Phú Vinh, Phú Hòa. Trong quá trình giám sát trực tiếp đã kết hợp đi khảo sát thực tế một số trường tiểu học và trung học cơ sở của địa phương được giám sát.

Trên cơ sở kết quả làm việc, khảo sát thực tế tại một số trường tiểu học và trung học cơ sở của địa phương được giám sát và xem xét các báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát, Ban Dân tộc HĐND thành phố tổng hợp báo cáo kết quả giám sát, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN

1. Về đặc điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Hiện nay, thành phố Đồng Nai có 4.491.408 người, trong đó dân tộc thiểu số khoảng 421.090 người, chiếm gần 9,4% dân số toàn thành phố, với 37 thành phần dân tộc thiểu số (DTTS). Theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, (DTTS & MN), vùng đồng bào DTTS & MN thuộc thành phố Đồng Nai gồm: xã vùng đồng bào DTTS và MN; thôn, ấp vùng đồng bào DTTS & MN (gọi chung là thôn). Theo Quyết định số 104/QĐ-BDTTG ngày 27/02/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành về công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào DTTS & MN, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Đồng Nai có 46 xã, phường thuộc vùng đồng bào DTTS & MN (gọi chung là xã) gồm: 34 xã khu vực I, 09 xã khu vực II, 03 xã khu vực III; 25 xã, phường

không thuộc vùng đồng bào DTTS & MN nhưng có 69 thôn vùng đồng bào DTTS & MN. Toàn thành phố có 538 thôn, ấp (gọi chung là thôn) vùng đồng bào DTTS & MN; trong đó: 80 thôn miền núi, 317 thôn vùng DTTS, 141 thôn vùng DTTS & MN; có 41 thôn đặc biệt khó khăn¹.

2. Kết quả chỉ đạo, triển khai thực hiện

2.1. UBND thành phố

- UBND tỉnh Đồng Nai và UBND tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập), UBND tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập, nay là thành phố Đồng Nai) đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương và Tỉnh ủy, HĐND tỉnh liên quan đến việc đầu tư cơ sở vật chất tại các trường tiểu học và trường trung học cơ sở thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) và Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn I, 2021-2025)²; các chương trình chính sách khác có liên quan³.

- Kịp thời triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 81-KL/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới⁴.

2.2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Sở Giáo dục và Đào tạo (trước và sau sáp nhập) đã tham mưu UBND thành phố ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện đầu tư cơ sở vật chất tại các trường

¹ Bao gồm thuộc xã khu vực III: Lộc Thạnh có 02 thôn, Đăk O có 07 thôn và Bù Gia Mập có 04 thôn; các xã khu vực II bao gồm: Lộc Quang 04 thôn, Thọ Sơn 03 thôn, Thanh Sơn 03 thôn, Lộc Thành 01 thôn, Đa Kia 05 thôn, Phú Nghĩa: 04 thôn, Đăk Nhau 04 thôn và Tân Tiến 04 thôn.

² Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021–2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021–2030.

³ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 về Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 về Chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người; Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 về Chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về Cơ chế thu, quản lý học phí; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Quyết định số 1717/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên DTTS; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 về Quy chế tổ chức và hoạt động trường PTDT nội trú.

- Kết luận số 380- KL/TU, ngày 25 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 12/5/2023 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2023 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 - 2025; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 14/01/2025 về thực hiện Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 07/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai; UBND tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập): Công văn số 606/UBND-KGVX ngày 15/3/2018 về triển khai thực hiện Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Kế hoạch số 304/KH-UBND ngày 04/10/2021 về triển khai thực hiện Đề án: “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 270/KH-UBND ngày 23/9/2022 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 về thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 23/01/2024 về triển khai thực hiện phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 13/6/2024 về triển khai thực hiện Kế hoạch số 255-KH/TU ngày 08/5/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Công văn số 2078/SGD-VP ngày 28/6/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Chương trình 1719.

⁴ UBND thành phố kịp thời ban hành Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về việc phê duyệt Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2025 – 2027; Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 về phê duyệt Đề án đầu tư phát triển toàn diện chất lượng dạy và học tại 08 xã biên giới: Lộc Tấn; Lộc Thành; Lộc Thạnh; Tân Tiến; Thiện Hưng; Hưng Phước; Đăk O; Bù Gia Mập đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn thành phố.

TH và THCS thuộc vùng đồng bào DTTS; đồng thời đảm bảo số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên nói chung tại các trường thuộc địa bàn vùng đồng bào DTTS⁵.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố; với UBND các xã, phường (sau sáp nhập đơn vị hành chính) trong việc thực hiện đầu tư cơ sở vật chất⁶; sử dụng giáo viên người dân tộc thiểu số tại các trường TH và trường THCS vùng đồng bào DTTS. Tích cực kiểm tra, tổng kết, đánh giá, phối hợp giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện⁷.

3. UBND các xã, phường⁸

- UBND các xã đã chủ động, tích cực tiếp nhận cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025; Thực hiện tốt công tác phối hợp, kiểm tra, đánh giá; bố trí cán bộ quản lý có chuyên môn tham mưu, giúp việc lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại địa phương theo phân cấp⁹.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao chất lượng Giáo dục và Đào tạo vùng đồng bào DTTS, giảm thiểu tỷ lệ học sinh bỏ học.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tình hình trường, lớp, giáo viên, học sinh thuộc vùng đồng bào DTTS

Tính đến ngày 14/5/2026, tình hình trường, lớp, giáo viên, học sinh của 46 xã thuộc vùng đồng bào DTTS trên địa bàn của thành phố cụ thể như sau:

1.1. Về tình hình trường, lớp

Đến thời điểm báo cáo: 100 % các trường có điện để sử dụng, có internet dùng cho mục đích học tập, cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp, có nước uống, có nhà vệ

⁵ Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai: Kế hoạch số 402-KH/TU ngày 07/11/2024 về triển khai thực hiện Chi thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 26/3/2025 về triển khai thực hiện Quyết định số 1716/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

⁶ Công văn số 444/SGDDĐT-GDPT&GDTCX ngày 20/01/2026 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh.

⁷ Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 1998/KH-SGDĐT ngày 25/3/2026 Tổ chức Hội nghị triển khai thi hành Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và Nghị quyết số 248/2025/NQ-QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; kết quả có gần 250 lãnh đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc và đại diện 95 xã, phường tham dự.

- Tham mưu UBND thành phố đã ban hành Công văn số 4720/UBND-KGVX ngày 27/3/2026 về việc thực hiện Công văn số 1232/BGDĐT-GDĐH ngày 18/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo thực trạng và đề xuất chính sách sử dụng nguồn tại chỗ phục vụ phát triển đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục vùng biên giới; Báo cáo số 2190/BC-SGDĐT ngày 31/3/2026 về cơ chế, chính sách sử dụng nguồn tại chỗ trong đào tạo và sử dụng giáo viên tại các cơ sở giáo dục vùng biên giới.

- Về hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ: Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch số 1665/KH-SGDĐT ngày 16/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã; Công văn số 1970/SGDDĐT-VP ngày 26/9/2025 về việc tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Theo đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành công tác tổ chức tập huấn cho gần 200 cán bộ, công chức thuộc 95 xã, phường được phân công phụ trách lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

⁸ Đoàn giám sát trực tiếp và gián tiếp.

⁹ Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 14/5/2026 của UBND xã Bom Bo; Báo cáo số 170/BC-UBND ngày 11/5/2026 của UBND xã Phú Hòa; Báo cáo số 220a/BC-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã Lộc Thạnh; Báo cáo số 255/BC-UBND ngày 08/5/2026 của UBND xã Phú Vinh; Báo cáo số 127/BC-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã Thanh Sơn; Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Tân Tiến; Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 29/4/2026 của UBND xã Sông Ray.

sinh tiện lợi và riêng lẻ cho từng giới tính, có chỗ rửa tay thuận tiện; trên 96 % tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn.

Tính đến cuối năm 2025, toàn thành phố có 685 trường (cấp TH 396 trường, THCS 289 trường), trong đó: có 448 trường đạt chuẩn quốc gia/685 trường, chiếm 65,40% (TH 253 trường/396 trường, THCS 195 trường/289 trường), số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 40 trường/448 trường, chiếm 8,92% trên tổng số trường đạt chuẩn quốc gia. Đối với 46 xã vùng đồng bào DTTS, có 304 trường (cấp TH 173 trường, cấp THCS 131 trường) trong đó có 216 trường đạt chuẩn quốc gia/304 trường, chiếm 71,05%, trong đó trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 có 20 trường/216 trường, chiếm 9,25% trên tổng số trường đạt chuẩn quốc gia (TH 125 trường/173 trường, THCS 91 trường/131 trường). Tổng số Trường tiểu học, liên cấp TH và THCS là 213 Trường. Trong đó: 174 trường TH, 39 trường liên cấp TH&THCS, với 4.288 lớp; 2.529 phòng học. Tổng số trường THCS và liên cấp THCS, THPT là 149 trường. Trong đó: 69 trường THCS, 39 trường liên cấp TH&THCS, 16 trường liên cấp THCS&THPT, với tổng số 2.491 lớp, 1.210 phòng học.

1.2. Về đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý người DTTS cấp TH là 557 người/7.858 người, trong đó cán bộ quản lý: 10 người; 477 giáo viên; 70 nhân viên¹⁰. Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý người DTTS cấp THCS là 287 người/6.074 người, trong đó cán bộ quản lý: 05 người; 239 giáo viên; 43 nhân viên¹¹.

* Kết quả sử dụng giáo viên

- Số giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số đang làm việc tại các trường tiểu học, trường THCS trên địa bàn thành phố là 1.338/34.639 người, chiếm tỷ lệ 3,86% (trong đó cấp tiểu học có 861/19.780 người, chiếm tỷ lệ 4,35%; cấp THCS có 477/14.859 người, chiếm tỷ lệ 3,21%).

- Trong đó, tổng số giáo viên, nhân viên là người dân tộc thiểu số (S'tiêng, ChơRo, Mạ, M'ông, Khmer...) tại 46 xã vùng dân tộc thiểu số là 844/13.930 người, chiếm tỷ lệ 6,1% (Tiểu học: 557/7.858, tỷ lệ 7,1%; THCS 287/6.074, tỷ lệ 4,7%)¹².

1.3. Tổng số học sinh người DTTS

Tổng số học sinh người DTTS cấp tiểu học thuộc vùng đồng bào DTTS là 31.410 học sinh/134.150 học sinh, chiếm tỷ lệ 23,4%. Tổng số học sinh người DTTS cấp THCS thuộc vùng đồng bào DTTS là 16.532 học sinh/94.488 học sinh, chiếm tỷ lệ 17,5%.

2. Kết quả đầu tư cơ sở vật chất

¹⁰ - Tổng số cán bộ quản lý cấp tiểu học: 469 người (chia ra, hiệu trưởng 171 người, hiệu phó 298 người). Trong đó: DTTS: 10 người (cụ thể: hiệu trưởng: 01 người, hiệu phó: 09 người).

¹¹ - Tổng số cán bộ quản lý cấp trung học cơ sở : 335 người (chia ra, hiệu trưởng: 142 người, hiệu phó: 193 người). Trong đó: DTTS: 05 người (cụ thể: hiệu trưởng: 02 người, hiệu phó: 03 người).

¹² Trong số 10 trường PTDTNT có 02 Hiệu trưởng là người dân tộc thiểu số (Trường PTDTNT THCS&THPT Điều Ong và Trường PTDTNT THPT Thành phố Đồng Nai).

Tổng kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học giai đoạn 2024 - 2026 khoảng 1.849.341,32 triệu đồng, cụ thể qua các năm như sau¹³: Năm 2024 khoảng: 750.300,96 triệu đồng; năm 2025 khoảng: 569.831,78 triệu đồng; năm 2026 khoảng: 529.208,58 triệu đồng. Nguồn vốn: chủ yếu từ nguồn ngân sách địa phương (cấp huyện trước đây). Nguồn kinh phí chủ yếu đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa trường học; cải tạo và bổ sung trang thiết bị dạy và học¹⁴.

- Đối với UBND các xã, phường (trong đó có các địa phương thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số) đang triển khai thực hiện Đề án duy tu, sửa chữa, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị trường học tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2025 - 2027 theo Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 với tổng dự toán kinh phí khoảng 3.802,1 tỷ đồng, nhằm đầu tư CSVC, thiết bị trường học tại các cơ sở giáo dục công lập (mầm non, tiểu học, THCS) thuộc quản lý của cấp xã. Theo Đề án 3344, trong năm 2025 UBND thành phố đã phân bổ 99,32 tỷ đồng để đầu tư xây dựng trường bán trú tiểu học, trung học cơ sở cho 8 trường thuộc 5 xã biên giới của Thành phố (Lộc Thành; Lộc Tấn; Thiện Hưng; Tân Tiến; Đăk O). Hiện nay, Sở Giáo dục và Đào tạo đang tổng hợp nhu cầu đề xuất đầu tư từ UBND các xã để tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các trường trong năm 2026.

- Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý: Năm học 2025 - 2026, có khoảng 40 đơn vị được khảo sát sửa chữa và đề xuất đầu tư với dự toán kinh phí khoảng 300 tỷ đồng; đồng thời tham mưu đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng mới Trường THCS - THPT Đăk Mai với dự toán kinh phí khoảng 110 tỷ đồng, xây dựng mới Trường THCS - THPT Thuận Lợi với dự toán kinh phí khoảng 200 tỷ đồng.

Nhìn chung cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học của các Trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn các xã, phường vùng đồng bào DTTS cơ bản đảm bảo đáp ứng điều kiện dạy và học trong nhà trường. Việc đầu tư xây dựng các hạng mục, trường học theo Đề án 3344, khối lượng công việc đảm bảo tiến độ và theo lộ trình của Đề án, hàng tháng Sở Giáo dục và Đào tạo đã có báo cáo tiến độ đầu tư trường học cho Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, UBND thành phố.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt được

Đoàn giám sát ghi nhận sự quyết tâm chính trị cao của UBND tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước (trước sáp nhập), tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập) nay là thành phố Đồng Nai. Sự nỗ lực, cố gắng, tinh thần trách nhiệm của sở Giáo dục và Đào tạo, các sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố (trước sáp xếp); Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố, UBND các xã, phường (sau sáp nhập). Trong đó có một số kết quả cụ thể như sau:

¹³ Báo cáo số 464/BC-SGD&ĐT ngày 14/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo (trong đó: Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 41 xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số (còn 3 xã chưa gửi báo cáo là Cẩm Mỹ, Tân Phú, Đăk Lua).

¹⁴ Nhiều công trình dự án do BQLDA khu vực thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo chưa có số liệu, các xã không tách được số liệu.

- Việc thực hiện chính sách phát triển Giáo dục và Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS nói chung và đối với đồng bào DTTS nói riêng luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể và Nhân dân từ thành phố đến các địa phương (trước và sau khi sáp nhập).

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học từng bước được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và chuẩn hóa, bảo đảm cơ bản cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non, phổ thông. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm phát triển cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục; nhiều điểm trường lẻ đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm theo quy định, thực hiện dồn điểm, sáp nhập vào các điểm trường chính. Nhiều trường có quy mô nhỏ được sáp nhập thành hệ thống các trường liên cấp có quy mô lớn hơn, tạo thuận lợi cho đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng cho các hoạt động dạy và học trong nhà trường.

- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về chính sách dân tộc trong giáo dục, đào tạo tiếp tục được UBND thành phố quan tâm¹⁵.

- Nhận thức về tầm quan trọng đối với sự nghiệp phát triển Giáo dục và Đào tạo vùng DTTS, phát triển nguồn nhân lực người DTTS ngày càng được chú trọng và nâng cao.

- Việc tham mưu xây dựng chính sách ưu đãi trong việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số đã được Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương đã triển khai thực hiện các giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cơ bản đáp ứng về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Sau sáp nhập, thành phố Đồng Nai có diện tích tự nhiên rộng, dân số đông, nhiều xã thuộc vùng đồng bào DTTS, tỷ lệ đồng bào DTTS khá cao, nhiều thành phần dân tộc, trình độ phát triển giữa các dân tộc chưa đồng đều. Nhiều xã được nhập từ nhiều xã khác nhau, có diện tích tự nhiên rộng, dân số đông, áp lực lớn về nhu cầu trường, lớp, cơ sở vật chất, biên chế giáo viên. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, việc huy động nguồn lực để đầu tư cho phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS gặp khó khăn.

- Công tác tiếp nhận, bàn giao hồ sơ, thông tin, dữ liệu liên quan đến lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo giữa UBND huyện với UBND xã khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương hai cấp còn vấn đề bất cập, một số nội dung còn thiếu thông tin, dữ liệu. Công chức của phòng Văn hóa-Thông tin tiếp nhận nhiều đầu mối công việc từ nhiều sở, ngành khác nhau nên công tác tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo gặp khó khăn.

¹⁵ Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Nhà giáo.

- Số lượng biên chế giáo viên chung của ngành giáo dục ở nhiều địa phương còn thiếu¹⁶. Công tác tuyển dụng giáo viên các môn đặc thù (Tiếng Anh, Tin học, Nhạc, Họa, dạy Tiếng dân tộc thiểu số) gặp khó khăn về nguồn tuyển dụng.

- Nhiều xã vướng quy hoạch Bôxít làm ảnh hưởng đến công tác quy hoạch trường, lớp và đầu tư cơ sở vật chất.

3. Hạn chế, tồn tại

- Nhiều trường và điểm lẻ được xây dựng từ lâu (trước 1995), xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn; bàn ghế học sinh tại một số phòng học chưa phù hợp về kích thước, chiều cao so với lứa tuổi học sinh; một số trường thiếu thiết bị phòng cháy, chữa cháy, hoặc có bố trí nhưng không đảm bảo khoảng cách theo quy định, hoặc hết thời hạn sử dụng; thiếu phòng học bộ môn (Tin học, Ngoại ngữ), phòng chức năng, nhà đa năng và khu bán trú; vướng mắc quy hoạch (Bauxit, quy hoạch chung) nên ảnh hưởng đến công tác đầu tư xây mới hoặc mở rộng diện tích.

- Hệ thống công trình nước sạch, nhà vệ sinh tại một số trường chưa đảm bảo. Nhiều điểm trường lẻ không có nhà vệ sinh và công trình nước sạch. Một số lãnh đạo trường coi nhà vệ sinh trong trường học là “công trình phụ”, giống như nhà vệ sinh dân dụng nên việc tổ chức, quản lý sử dụng chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Nhiều trường có tỷ lệ giáo viên là người DTTS chiếm tỷ lệ rất thấp hoặc không có; số lượng cán bộ quản lý là người DTTS rất ít; công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm giáo viên người DTTS chưa được quan tâm, chưa phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay.

- Việc thống kê, theo dõi học sinh chuyển cấp (lớp 5 lên 6, lớp 9 lên 10) ở một số địa phương chưa cập nhật kịp thời.

- Hệ thống trường, lớp, chỉ tiêu tuyển sinh vào hệ thống trường phổ thông DTNT chưa đáp ứng quy mô dân số người dân tộc thiểu, tạo áp lực lớn đối với các trường THCS và THPT tại các xã vùng đồng bào DTTS; tỷ lệ học sinh ở cấp THCS ít hơn nhiều so với ở bậc tiểu học.

- Nhiều giáo viên dạy 02 buổi/ngày, khoảng cách từ nhà đến trường khá xa nhưng thiếu nơi nghỉ trưa. Một số địa phương từ điểm lẻ xa điểm chính, giao thông đi lại còn khó khăn (xã Thanh Sơn). Địa bàn người dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, mật độ dân cư thấp, giao thông đi lại khó khăn đã ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh đến trường.

4. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Địa phương có diện tích tự nhiên rộng, dân số đông, nhiều đơn vị hành chính cấp xã, điều kiện kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn, việc

¹⁶ Hiện nay, số biên chế giao cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh là 48.521 và giao 2.845 chỉ tiêu hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ; thiếu so với định mức khoảng hơn 2.000 chỉ tiêu. Năm 2025, mặc dù biên chế dự kiến tăng thêm 1.246 do tăng lớp nhưng không đủ biên chế để phân bổ nên tổng số biên chế giao cho các đơn vị giữ nguyên. Trong đó, số giáo viên tiểu học và THCS thiếu tại 46 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 694 giáo viên (284 Giáo viên tiểu học; 410 giáo viên THCS).

huy động nguồn lực để đầu tư cho phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS gặp khó khăn.

- Việc thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý tại một số địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền hai cấp có nhiều thời điểm còn lúng túng trong triển khai thực hiện; khả năng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức một số địa phương sau sắp xếp ở một vài thời điểm chưa phát huy hết năng lực, sở trường.

- Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố khá lớn, trong khi nguồn lực đầu tư, hỗ trợ của trung ương, điều kiện của địa phương còn hạn chế, công tác xã hội hóa gặp khó khăn.

- Chế độ đãi ngộ giáo viên chưa tương xứng; một số giáo viên không muốn công tác tại các xã vùng DTTS&MN, xã biên giới, nhất là đối với giáo viên các môn Tiếng Anh, Âm nhạc, Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Công nghệ và các môn mới của Chương trình GDPT 2018.

- Quy định tiêu chuẩn đối với bàn ghế được trang bị khá lâu theo Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT không còn phù hợp với thể trạng học sinh hiện nay.

- Nhiều địa phương vướng quy hoạch đất Bô xít ảnh hưởng đến công tác quy hoạch trường, lớp và đầu tư cơ sở vật chất.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất vùng đồng bào DTTS chưa phản ánh đúng thực chất; công tác phối hợp, tham mưu UBND tỉnh (trước sáp nhập) để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy, biên chế giáo viên còn bị động.

- Công tác tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo (trước sáp nhập) nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc đầu tư cơ sở vật chất có lúc chưa kịp thời; công tác phối hợp với UBND cấp huyện (trước sáp nhập) trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý người DTTS chưa được quan tâm.

- Việc đầu tư, phát triển hệ thống trường phổ thông DTNT chưa phù hợp với quy mô dân số người DTTS và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào DTTS. Việc đầu tư trường phổ thông THPT và THCS Điều Ong tại xã Bù Đăng còn chậm. Hằng năm, chỉ tiêu tuyển sinh vào hệ thống trường phổ thông DTNT chưa phù hợp với quy mô dân số người DTTS tạo ra áp lực lớn đối với các trường THCS và THPT tại các xã vùng đồng bào DTTS.

- Việc bố trí nguồn lực tại các trường TH và THCS thuộc xã vùng đồng bào DTTS trên địa bàn thành phố chưa đồng bộ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Một số sở, ngành có liên quan chưa chủ động phối hợp với sở Giáo dục và Đào tạo trong việc bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp vùng dân tộc thiểu số, bố trí biên chế giáo viên sau khi sáp nhập 2 tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

- Một số xã (sau sắp xếp), cơ sở giáo dục chưa chủ động rà soát quy hoạch, thực trạng cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, giáo viên người DTTS đề xuất kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết đồng bộ, hiệu quả.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở rà soát các văn bản của Trung ương¹⁷, Thành ủy, Nghị quyết của HĐND thành phố; kết quả giám sát, Ban Dân tộc HĐND thành phố kiến nghị một số nội dung như sau:

1. Đối với UBND thành phố

a) Chỉ đạo các Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các địa phương thực hiện cụ thể việc phân cấp, phân quyền về lĩnh vực giáo dục, đào tạo trên nguyên tắc bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”; tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng, đề xuất giải pháp một cách hiệu quả để đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng đội ngũ giáo viên người DTTS phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước hiện nay¹⁸.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các địa phương rà soát toàn diện hệ thống chính sách Giáo dục và Đào tạo, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS để kịp thời tham mưu Thành ủy, HĐND, UBND thành phố ban hành chính sách; hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách đầu tư cơ sở vật chất đối với các trường tiểu học, trường THCS thuộc vùng đồng bào DTTS; quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng giáo viên người DTTS phù hợp với yêu cầu phát triển mới của thành phố¹⁹.

- Tham mưu UBND thành phố có văn bản kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, sửa đổi Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011²⁰. Đồng thời, kiến nghị chính sách đào tạo giáo viên theo địa chỉ đối với các môn học đặc thù, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội các địa phương, vùng khó tuyển dụng và thu hút đội ngũ giáo viên.

¹⁷ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về Ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc tại Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10/10/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

¹⁸ Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới: “Tập trung phát triển nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỉ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trong cấp ủy và các cơ quan dân cư các cấp”.

¹⁹ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo; Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục; Nghị quyết số 249/2025/QH15 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71 của Bộ Chính trị; Quyết định số 2776/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao người dân tộc thiểu số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm giai đoạn 2026 - 2035, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn thành phố; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố) lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh (nay là thành phố) về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 05 năm 2026 - 2030, liên quan đến lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

²⁰ Thông tư liên tịch giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã vùng đồng bào DTTS rà soát hệ thống các Trường phổ thông Dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố để đề xuất cấp có thẩm quyền nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng quy mô trường lớp, đội ngũ giáo viên, tăng số lớp và chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6, lớp 10 đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của đồng bào DTTS trong tình hình hiện nay; rà soát việc thực hiện chính sách đối với giáo viên, học sinh tại trường phổ thông DTNT và các trường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số²¹.

- Rà soát và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, thực hiện nguyên tắc 6 rõ theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đồng Nai.

- Chỉ đạo kịp thời việc thực hiện các kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND thành phố theo quy định, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện cho năm học mới 2026 - 2027 và các năm học tiếp theo trong đó cần lưu ý công tác tuyển dụng giáo viên cho các địa phương hiện nay đang còn thiếu.

b) Chỉ đạo UBND các xã, phường thuộc vùng đồng bào DTTS; xã có thôn, ấp, khu phố thuộc vùng đồng bào DTTS

- Thực hiện rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng công tác quy hoạch, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên vùng đồng bào DTTS, đề xuất giải pháp một cách hiệu quả để đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng đội ngũ giáo viên người DTTS phù hợp với quy định của Đảng và Nhà nước hiện nay. Trước mắt, rà soát, kiểm tra, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất và nguồn lực giáo viên của các trường học trên địa bàn xã, xây dựng phương án, giải pháp đảm bảo chuẩn bị chu đáo nhất cho năm học 2026 - 2027.

- Chủ động rà soát toàn diện hệ thống chính sách Giáo dục và Đào tạo, chính sách đối với vùng đồng bào DTTS để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Thực hiện tốt, hiệu quả nhiệm vụ phân cấp, phân quyền.

- Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, các sở ngành liên quan trong việc đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực, tuyển dụng giáo viên đang còn thiếu của địa phương, đủ số lượng, chất lượng, đảm bảo vị trí việc làm theo đúng quy định. Trong đó cần xem xét, ưu tiên nguồn nhân sự tại chỗ, bố trí, sử dụng giáo viên người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ quản lý là người DTTS theo thẩm quyền, nhất là đối với các trường có tỷ lệ học sinh người DTTS chiếm tỷ lệ cao.

- Rà soát và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân cấp, phân quyền, thực hiện nguyên tắc 6 rõ theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Đồng Nai.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

²¹ Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND 21/01/2026 UBND tỉnh Đồng Nai Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Đồng Nai hằng năm; Các văn bản triển khai thực hiện Nghị định 82/2010/NĐ-CP về dạy học tiếng dân tộc thiểu số; Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS của tỉnh Đồng Nai; Các quyết định giao chỉ tiêu đầu tư công trung hạn giai đoạn 2025 – 2030.

- Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan, UBND các địa phương rà soát chức năng, nhiệm vụ phân cấp, phân quyền; thực hiện tốt nhiệm vụ gắn với trách nhiệm, đảm bảo biên chế, nguồn tài chính để thực hiện; rà soát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho giáo viên, học sinh thuộc vùng dân tộc thiểu số để đề xuất, tham mưu UBND thành phố, trình HĐND thành phố ban hành chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương. Rà soát công tác công nhận các trường đạt chuẩn để có lộ trình, tham mưu triển khai theo Nghị quyết của Đảng bộ thành phố Đồng Nai.

- Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các địa phương rà soát công tác quy hoạch đất đai để thực hiện cho các dự án đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo quy định. Chủ động phối hợp với Sở Tài chính kịp thời trong công tác tham mưu bố trí ngân sách đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đảm bảo đúng theo các quy định; chủ động phối hợp trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, sắp xếp, đánh giá điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong trường học để xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm phù hợp nhằm đảm bảo có đủ phòng học (thực hiện dạy học 02 buổi/ngày đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở), phòng chức năng, phòng bộ môn, công trình phụ trợ và thiết bị dạy học, đáp ứng cơ bản các yêu cầu về cơ sở vật chất trường học nói chung và vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

- Tiếp tục rà soát việc cấp bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; tăng cường các lớp bồi dưỡng chuyên môn và đào tạo tiếng DTTS cho giáo viên; hỗ trợ hạ tầng số và Internet cho các điểm trường lẻ khó khăn cho các địa phương, trường học trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND thành phố triển khai đầy đủ các nội dung kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND thành phố. Đồng thời báo cáo kết quả triển khai thực hiện của Ban Dân tộc HĐND thành phố đúng quy định. Xây dựng kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, lộ trình khắc phục những hạn chế, tồn tại thuộc nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối với Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các xã thuộc vùng đồng bào DTTS; xã có thôn, ấp vùng đồng bào DTTS để rà soát việc thực hiện chính sách dân tộc. Tham mưu hiệu quả công tác triển khai các chính sách dân tộc, việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2026-2030. Chủ động, chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND các xã, phường rà soát, kiểm tra lại việc thực hiện phân định vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2026-2030; kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung phù hợp theo quy định.

4. Đối với UBND các xã: Bom Bo, Thọ Sơn, Sông Ray, Thanh Sơn, Tân Tiến, Lộc Thạnh, Phú Hòa, Phú Vinh

- Thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá toàn diện cơ sở vật chất, tiếp tục quan tâm, ưu tiên tập trung nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học do địa phương quản lý; rà soát thực trạng cơ sở vật chất của các trường học trên địa bàn để

có phương án đầu tư, sửa chữa, trang bị đảm bảo cho năm học 2026 - 2027 và các năm tiếp theo.

- Rà soát, đánh giá toàn diện công tác bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên người DTTS. Chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu UBND xã trình cấp Ủy có giải pháp cụ thể để nâng tỉ lệ giáo viên người dân tộc thiểu số, đặc biệt là cán bộ quản lý tại các trường có học sinh đồng bào DTTS. Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ, bố trí đầy đủ biên chế giáo viên, có giải pháp ưu tiên, tạo nguồn tại chỗ, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thường xuyên cập nhật tình hình học sinh người DTTS ở lớp 5, lớp 6, lớp 9 và lớp 10. Nắm bắt tình hình đời sống kinh tế - xã hội của các hộ đồng bào DTTS còn khó khăn để kịp thời hỗ trợ hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ hạn chế tình trạng học sinh DTTS bỏ học vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn.

- Rà soát công tác quy hoạch hệ thống trường lớp, phát triển đồng đều giữa hệ thống các trường Mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở, đảm bảo phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS, nguồn nhân lực người DTTS.

- Kịp thời chỉ đạo phòng chuyên môn tham mưu UBND xã triển khai đầy đủ các nội dung kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND thành phố.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát đầu tư cơ sở vật chất, sử dụng giáo viên người dân tộc thiểu số tại các trường tiểu học và trung học cơ sở thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Ban Dân tộc HĐND thành phố tổng hợp báo cáo. Đề nghị các cơ quan, đơn vị định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Ban Dân tộc HĐND thành phố để tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- BTT UBMTTQVN thành phố;
- Các Ủy viên Ban Dân tộc HĐND thành phố;
- Các Sở: GD và ĐT, DT và TG; Sở Nội vụ;
- UBND các xã: Bom Bo, Thọ Sơn, Sông Ray, Thanh Sơn, Tân Tiến, Lộc Thạnh, Phú Hòa, Phú Vinh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, BDT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Điều Điều